

THỐNG KÊ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN NĂM HỌC 2018-2019

Bậc đào tạo: Trung cấp

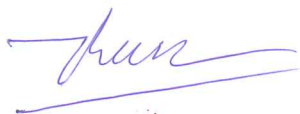
S TT	LỚP	SĨ SỐ		KẾT QUẢ RÈN LUYỆN										GHI CHÚ
		TỔNG	NỮ	Xuất sắc		Tốt		Khá		Trung Bình		Yếu		
				SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
KHÓA 2016 TCCN (9+3)														
1	16TC-Ô1	29		0	0,00	0	0,00	5	17,24	23	79,31	1	3,45	
2	16TC-MTT	22	21	0	0,00	1	4,55	2	9,09	17	77,27	2	9,09	
3	16TC-QTM	19	1	0	0,00	0	0,00	2	10,53	15	78,95	2	10,53	Trần Thị Diễm Thúy
TỔNG: 2016		70	22	0	0,00	1	1,43	9	12,86	55	78,57	5	7,14	
KHÓA 2016 TCN (9+4)														
1	16TCN-Đ	30		0	0,00	0	0,00	1	3,33	25	83,33	4	13,33	Lê Minh Phong
2	16TCN-ĐT	25		0	0,00	0	0,00	1	4,00	22	88,00	2	8,00	
3	16TCN-LĐL1	32		0	0,00	0	0,00	1	3,13	31	96,88	0	0,00	
4	16TCN-CKL	29		0	0,00	1	3,45	5	17,24	23	79,31	0	0,00	
5	16TCN-Ô1	47		1	2,13	0	0,00	3	6,38	41	87,23	2	4,26	
6	16TCN-QTM1	41	2	0	0,00	0	0,00	2	4,88	38	92,68	1	2,44	
7	16TCN-KTD	15	15	0	0,00	1	6,67	2	13,33	12	80,00	0	0,00	
8	16TCN-QTD	26	21	1	3,85	1	3,85	5	19,23	18	69,23	1	3,85	
TỔNG: 2016		245	38	2	0,82	3	1,22	20	8,16	210	85,71	10	4,08	

S TT	LỚP	SỐ SỐ		KẾT QUẢ RÈN LUYỆN										GHI CHÚ	
		TỔNG	NỮ	Xuất sắc		Tốt		Khá		Trung Bình		Yếu			
				SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
KHÓA 2017 Trung cấp (3N)															
1	17T4-ĐCN1	25		0	0,00	0	0,00	1	4,00	20	80,00	4	16,00	Cao Thị Nga	
2	17T4-ĐCN2	21		0	0,00	0	0,00	3	14,29	17	80,95	1	4,76		
3	17T4-ĐĐT1	35		0	0,00	0	0,00	2	5,71	26	74,29	7	20,00	Ngô Hoàng Anh	
4	17T4-ĐTC1	15	1	0	0,00	0	0,00	0	0,00	11	73,33	4	26,67	Tăng Cẩm Huê	
5	17T4-LĐL1	23		0	0,00	0	0,00	0	0,00	20	86,96	3	13,04	Đặng Thế Huân	
6	17T4-LĐL2	26		0	0,00	0	0,00	0	0,00	24	92,31	2	7,69		
7	17T4-CNL1	36		0	0,00	0	0,00	4	11,11	28	77,78	4	11,11	Trần Đình Khoa	
8	17T4-CKL1	14		0	0,00	0	0,00	0	0,00	11	78,57	3	21,43	Nguyễn Văn Đông	
9	17T4-CCK1	28		0	0,00	0	0,00	0	0,00	23	82,14	5	17,86		
10	17T4-CCK2	30		0	0,00	0	0,00	3	10,00	27	90,00	0	0,00		
11	17T4-CNÔ1	30		0	0,00	0	0,00	0	0,00	19	63,33	11	36,67	Phan Anh Tuấn Kiệt	
12	17T4-CNÔ2	36		0	0,00	0	0,00	1	2,78	29	80,56	6	16,67	Nguyễn Ngọc Quỳnh	
13	17T4-CNÔ3	38		0	0,00	0	0,00	1	2,63	36	94,74	1	2,63		
14	17T4-CNÔ4	24		0	0,00	0	0,00	1	4,17	15	62,50	8	33,33	Dương Đức Kiên	
15	17T4-CNM1	33	28	0	0,00	0	0,00	3	9,09	24	72,73	6	18,18	Nguyễn Thị Dinh	
16	17T4-CMT1	20		0	0,00	0	0,00	1	5,00	16	80,00	3	15,00	Lê Thị Hà Giang	
17	17T4-TKW1	21		0	0,00	0	0,00	0	0,00	20	95,24	1	4,76		
18	17T4-THU1	48	14	0	0,00	1	2,08	3	6,25	33	68,75	11	22,92	Đặng Thị Nhật Minh	
19	17T4-LTM1	31	2	0	0,00	0	0,00	2	6,45	29	93,55	0	0,00		
20	17T4-QTM1	43	3	0	0,00	0	0,00	4	9,30	25	58,14	14	32,56	Nguyễn Thị Cẩm Thạch	
21	17T4-KTD1	36	31	0	0,00	0	0,00	1	2,78	32	88,89	3	8,33		
22	17T4-QTD1	47	19	0	0,00	1	2,13	2	4,26	41	87,23	3	6,38		
23	17T4-NNA1	57	33	0	0,00	1	1,75	2	3,51	41	71,93	13	22,81	Lê Nguyễn Mỹ Trâm	
TỔNG: 2017T4		717	131	0	0,00	3	0,42	34	4,74	567	79,08	113	15,76		

S TT	LỚP	SĨ SỐ		KẾT QUẢ RÈN LUYỆN										GHI CHÚ
		TỔNG	NỮ	Xuất sắc		Tốt		Khá		Trung Bình		Yếu		
				SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
KHÓA 2018 Trung cấp (3N)														
1	18T4-ĐCN1	30		0	0,00	0	0,00	0	0,00	23	76,67	7	23,33	Vũ Hạnh Chiêu
2	18T4-ĐCN2	26		0	0,00	0	0,00	1	3,85	22	84,62	3	11,54	Lê Thị Hà Giang
3	18T4-ĐĐT1	51		0	0,00	0	0,00	1	1,96	34	66,67	16	31,37	Nguyễn Văn Yên
4	18T4-CĐT1	41		0	0,00	1	2,44	8	19,51	28	68,29	4	9,76	
5	18T4-KML1	41		0	0,00	0	0,00	1	2,44	32	78,05	8	19,51	Nguyễn Vũ Xuân Thi
6	18T4-VSL1	46		0	0,00	0	0,00	0	0,00	45	97,83	1	2,17	
7	18T4-VSL2	46		0	0,00	0	0,00	0	0,00	44	95,65	2	4,35	
8	18T4-CKC1	31		0	0,00	0	0,00	2	6,45	22	70,97	7	22,58	Nguyễn Phương Hà
9	18T4-CCK1	30		0	0,00	0	0,00	2	6,67	21	70,00	7	23,33	Vũ Quang Khải
10	18T4-CCK2	30		1	3,33	2	6,67	4	13,33	22	73,33	1	3,33	
11	18T4-CNÔ1	39	1	0	0,00	1	2,56	1	2,56	32	82,05	5	12,82	Sĩ Thị Chung
12	18T4-CNÔ2	46		0	0,00	0	0,00	1	2,17	39	84,78	6	13,04	Hoàng Thị Trang
13	18T4-CNÔ3	35		0	0,00	0	0,00	1	2,86	32	91,43	2	5,71	
14	18T4-CNÔ4	47		0	0,00	0	0,00	5	10,64	40	85,11	2	4,26	
15	18T4-CNÔ5	46		0	0,00	0	0,00	1	2,17	33	71,74	12	26,09	Trần Quốc Duy
16	18T4-CNÔ6	28		0	0,00	0	0,00	3	10,71	23	82,14	2	7,14	
17	18T4-CNM1	49	42	0	0,00	0	0,00	2	4,08	38	77,55	9	18,37	Bùi Thị Ngọc Sương
18	18T4-ANM1	38	4	1	2,63	4	10,53	8	21,05	25	65,79	0	0,00	
19	18T4-CMT1	28		0	0,00	0	0,00	3	10,71	24	85,71	1	3,57	
20	18T4-CMT2	25		0	0,00	0	0,00	3	12,00	22	88,00	0	0,00	
21	18T4-TKW1	34	6	0	0,00	0	0,00	3	8,82	29	85,29	2	5,88	
22	18T4-THU1	30	7	0	0,00	0	0,00	1	3,33	26	86,67	3	10,00	Cao Xuân Giang
23	18T4-THU2	24	4	0	0,00	4	16,67	2	8,33	15	62,50	3	12,50	Nguyễn Trung Dũng
24	18T4-TKĐ1	42	12	0	0,00	0	0,00	6	14,29	33	78,57	3	7,14	
25	18T4-TKĐ2	35	10	0	0,00	0	0,00	6	17,14	29	82,86	0	0,00	
26	18T4-LTM1	36	1	0	0,00	1	2,78	4	11,11	31	86,11	0	0,00	

S TT	LỚP	SĨ SỐ		KẾT QUẢ RÈN LUYỆN										GHI CHÚ
		TỔNG	NỮ	Xuất sắc		Tốt		Khá		Trung Bình		Yếu		
				SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
27	18T4-LTM2	33	4	0	0,00	0	0,00	2	6,06	19	57,58	12	36,36	Võ Thị Kim Thu
28	18T4-QTM1	49	1	0	0,00	0	0,00	0	0,00	38	77,55	11	22,45	Lê Phi Trường
29	18T4-TCD1	18	9	0	0,00	0	0,00	2	11,11	14	77,78	2	11,11	Lữ Xuân Trang
30	18T4-KTD1	53	44	0	0,00	2	3,77	12	22,64	34	64,15	5	9,43	
31	18T4-QTD1	41	26	0	0,00	0	0,00	4	9,76	33	80,49	4	9,76	
32	18T4-QTD2	39	24	0	0,00	0	0,00	0	0,00	33	84,62	6	15,38	Trịnh Hoàng Hiệp
33	18T4-NNA1	46	27	0	0,00	0	0,00	0	0,00	30	65,22	16	34,78	Nguyễn Thị Thu Hà
34	18T4-NNA2	47	34	0	0,00	0	0,00	5	10,64	40	85,11	2	4,26	
35	18T4-NNA3	46	27	0	0,00	0	0,00	1	2,17	40	86,96	5	10,87	Nguyễn thị Nhuận
36	18T4-KXD1	20		0	0,00	0	0,00	0	0,00	19	95,00	1	5,00	
TỔNG: 2017T4		1346	283	2	0,15	15	1,11	95	7,06	1064	79,05	170	12,63	
KHÓA 2018 Trung cấp (1N3)														
1	18T2-CNÔ1	46	2	0	0,00	1	2,17	6	13,04	39	84,78	0	0,00	
TỔNG: 2017T2		46	2	0	0,00	1	2,17	6	13,04	39	84,78	0	0,00	
TỔNG TC		2.424	476	4	0,17	23	0,95	164	6,77	1.935	79,83	298	12,29	

P.TRƯỞNG PHÒNG CTCT - HSSV



Lê Xuân Thiện

- Từ TB trở lên = 2.126 87,71
- Yếu = 298 12,29

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2019

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Đinh Hồng Minh